

## DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22833509] - Cảm biến và cơ cấu chấp hành (CCQ2515E)

CBGD: Nguyễn Thị Mai Lan (280032)

Số SV có mặt:.....16.

Số bài thi: .....16.

Số tờ giấy thi:.....16

*mai lan*  
NTMLan

*Nguyễn Thị Mai Lan*  
NTMLan

*mai lan*  
NTMLan

*Nguyễn Thị Mai Lan*  
NTMLan

| STT | Mã SV      | Họ và Tên         | Ngày sinh | Mã lớp     | Số Tờ Mã Đề | Chữ ký SV | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP |
|-----|------------|-------------------|-----------|------------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|
| 1   | 2125150171 | Ngô Khánh         | Nhật      | 01/06/2007 | CCQ2515E    |           |            |             |         |
| 2   | 2125150190 | Trần Đức          | Phú       | 27/02/2007 | CCQ2515E    |           | 7,5        | 8,0         | 7,8     |
| 3   | 2125150173 | Phạm Lê Minh      | Quan      | 15/09/2007 | CCQ2515E    |           | 8,5        | 4,0         | 5,8     |
| 4   | 2125150202 | Nguyễn Trần Khánh | Quân      | 06/04/2007 | CCQ2515E    |           | 6,5        | 4,0         | 5,0     |
| 5   | 2125150206 | Nguyễn Trọng      | Quân      | 14/06/2007 | CCQ2515E    |           |            |             |         |
| 6   | 2125150189 | Nguyễn Duy        | Tân       | 04/07/2007 | CCQ2515E    |           | 8,5        | 9,0         | 8,8     |
| 7   | 2125150178 | Nguyễn Minh       | Thắng     | 04/05/2007 | CCQ2515E    |           | 8,5        | 9,0         | 8,8     |
| 8   | 2125150200 | Trần Hữu          | Thành     | 05/04/2007 | CCQ2515E    |           | 9,0        | 8,0         | 8,4     |
| 9   | 2125150188 | Huỳnh Phan Nhật   | Thịnh     | 23/10/2007 | CCQ2515E    |           | 7,0        | 4,0         | 5,2     |
| 10  | 2125150183 | Nguyễn Gia        | Thịnh     | 13/02/2007 | CCQ2515E    |           | 6,5        | 4,0         | 5,0     |
| 11  | 2125150205 | Nguyễn Phạm Huy   | Thuần     | 09/11/2007 | CCQ2515E    |           | 8,0        | 9,0         | 8,6     |
| 12  | 2125150191 | Trần Bình         | Thuận     | 29/03/2007 | CCQ2515E    |           |            |             |         |
| 13  | 2125150193 | Võ Văn            | Trí       | 18/04/2007 | CCQ2515E    |           | 6,5        | 6,5         | 6,5     |
| 14  | 2125150182 | Nguyễn Quốc       | Trung     | 16/05/2007 | CCQ2515E    |           | 8,5        | 9,0         | 8,8     |
| 15  | 2125150186 | Lê Quang          | Trường    | 05/11/2007 | CCQ2515E    |           | 0,0        | 4,0         | 2,4     |
| 16  | 2125150192 | Nguyễn Đặng Anh   | Trường    | 22/01/2007 | CCQ2515E    |           | 8,5        | 4,0         | 5,8     |
| 17  | 2125150199 | Dương Hoàng       | Tuấn      | 15/08/2007 | CCQ2515E    |           | 8,5        | 8,0         | 8,2     |
| 18  | 2125150179 | Phạm Minh         | Tuấn      | 12/11/2007 | CCQ2515E    |           | 9,0        | 9,0         | 9,0     |
| 19  | 2125150204 | Hồ Anh            | Việt      | 07/07/2007 | CCQ2515E    |           | 7,5        | 4,0         | 5,4     |

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22833510] - Cảm biến và cơ cấu chấp hành (CCQ2305A)  
CBGD: Nguyễn Thị Mai Lan (280032)

Số SV có mặt: 22  
Số bài thi: 22  
Số tờ giấy thi: 22

*mai lan*  
*NTMLan*  
*Quynh*  
*NNTuyen*  
*mai lan*  
*NTMLan*  
*Quynh*  
*NNTuyen*

| STT | Mã SV      | Họ và Tên         | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số Tờ Mã Đề | Chữ ký SV    | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP |
|-----|------------|-------------------|------------|----------|-------------|--------------|------------|-------------|---------|
| 1   | 2123050046 | Nguyễn Văn Bắc    | 15/02/2005 | CCQ2305A |             | <i>Kac</i>   | 8,7        | 7,0         | 7,7     |
| 2   | 2123050036 | Nguyễn Quốc Duy   | 11/02/2005 | CCQ2305A |             | <i>Quynh</i> | 8,7        | 8,0         | 8,3     |
| 3   | 2123050019 | Nguy Thành Giảng  | 01/05/2005 | CCQ2305A |             | <i>Jo</i>    | 7,5        | 7,0         | 7,2     |
| 4   | 2123110113 | Triệu Trung Hiếu  | 04/05/2005 | CCQ2305A |             | <i>Hu</i>    | 7,0        | 7,0         | 7,0     |
| 5   | 2123050008 | Nguyễn Thái Hòa   | 02/06/2005 | CCQ2305A |             | <i>Hu</i>    | 8,7        | 9,0         | 8,9     |
| 6   | 2123050011 | Huỳnh Tường Huy   | 11/10/2005 | CCQ2305A |             | <i>Huy</i>   | 7,0        | 8,0         | 7,6     |
| 7   | 2123050004 | Nguyễn Quốc Hoàng | 15/09/2005 | CCQ2305A |             | <i>Quynh</i> | 9,0        | 9,0         | 9,0     |
| 8   | 2123050015 | Đỗ Tuấn Kiệt      | 20/04/2005 | CCQ2305A |             | <i>Kiet</i>  | 8,7        | 9,0         | 8,9     |
| 9   | 2123050020 | Đạt Ngọc Lý       | 15/05/2005 | CCQ2305A |             | <i>Lý</i>    | 6,5        | 4,0         | 5,0     |
| 10  | 2123050007 | Vũ Văn Mạnh       | 25/09/2005 | CCQ2305A |             | <i>Manh</i>  | 7,0        | 9,0         | 8,2     |
| 11  | 2123050213 | Trần Huy Phú      | 02/02/2003 | CCQ2305A |             |              |            |             |         |
| 12  | 2123050032 | Phạm Minh Quý     | 03/03/2004 | CCQ2305A |             | <i>Quynh</i> | 7,0        | 9,0         | 8,2     |
| 13  | 2123050009 | Nguyễn Thái Sơn   | 02/06/2005 | CCQ2305A |             | <i>Son</i>   | 8,7        | 9,0         | 8,9     |
| 14  | 2123050045 | Hồ Thanh Tấn      | 10/08/2005 | CCQ2305A |             | <i>Tan</i>   | 5,0        | 8,0         | 6,8     |
| 15  | 2123050233 | Nguyễn Tấn Thành  | 04/07/2005 | CCQ2305A |             | <i>Thuan</i> | 8,7        | 9,0         | 8,9     |
| 16  | 2123050047 | Nguyễn Toàn       | 21/04/2005 | CCQ2305A |             | <i>Toan</i>  | 6,7        | 7,0         | 6,9     |
| 17  | 2123050042 | Nguyễn Văn Trí    | 24/08/2005 | CCQ2305A |             | <i>TRI</i>   | 4,7        | 8,0         | 6,7     |
| 18  | 2123050030 | Trần Hưng Trung   | 23/07/2005 | CCQ2305A |             | <i>Hung</i>  | 8,7        | 7,0         | 7,7     |
| 19  | 2123050029 | Kiều Đan Trường   | 18/06/2005 | CCQ2305A |             |              | 6,7        | 4,0         | 5,1     |
| 20  | 2123050005 | Nguyễn Huy Tú     | 31/08/2005 | CCQ2305A |             | <i>Tu</i>    | 8,0        | 4,0         | 5,6     |
| 21  | 2123050066 | Lê Anh Tuấn       | 22/08/2005 | CCQ2305B |             | <i>Le</i>    | 8,0        | 4,0         | 5,6     |
| 22  | 2123050081 | Tô Quốc Tuyển     | 13/09/2005 | CCQ2305B |             | <i>Tuyen</i> | 7,5        | 8,0         | 7,8     |
| 23  | 2123050071 | Nguyễn Anh Văn    | 29/04/2005 | CCQ2305B |             |              |            |             |         |
| 24  | 2123050049 | Nguyễn Công Ý     | 14/07/2005 | CCQ2305B |             | <i>Y</i>     | 8,7        | 8,0         | 8,3     |

## DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22833504] - Cảm biến và cơ cấu chấp hành (CCQ2515E)

CBGD: Nguyễn Thị Mai Lan (280032)

Số SV có mặt: 16

Số bài thi: 16

Số tờ giấy thi: 16

maih  
NTMLan

mm  
NNTuyen

maih  
NTMLan

mm  
NNTuyen

| STT           | Mã SV                 | Họ và Tên                     | Ngày sinh             | Mã lớp              | Số Tờ Mã Đề | Chữ ký SV    | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP |
|---------------|-----------------------|-------------------------------|-----------------------|---------------------|-------------|--------------|------------|-------------|---------|
| 1             | 2125150194            | Nguyễn Khắc Ân                | 29/11/2007            | CCQ2515E            |             | <u>AB</u>    | 6,0        | 7,0         | 6,6     |
| 2             | 2125150184            | Trần Tuấn Anh                 | 05/08/2007            | CCQ2515E            |             | <u>Asul</u>  | 8,5        | 9,0         | 8,8     |
| 3             | 2125150181            | Hà Chấn Bằng                  | 10/07/2003            | CCQ2515E            |             | <u>Ba</u>    | 2,5        | 4,0         | 3,4     |
| <del>4</del>  | <del>2125150169</del> | <del>Lê Ngọc Bội</del>        | <del>03/01/2007</del> | <del>CCQ2515E</del> |             |              |            |             |         |
| 5             | 2125150195            | Nguyễn Thanh Điền             | 06/10/2007            | CCQ2515E            |             | <u>Sc</u>    | 8,5        | 4,0         | 5,8     |
| 6             | 2125150198            | Vũ Hồng Đức                   | 11/05/2007            | CCQ2515E            |             | <u>Da</u>    | 8,5        | 4,0         | 5,8     |
| <del>7</del>  | <del>2125150187</del> | <del>Bùi Hoàng Dũng</del>     | <del>01/01/2007</del> | <del>CCQ2515E</del> |             |              |            |             |         |
| 8             | 2125150170            | Phạm Trần Xuân Duy            | 27/11/2007            | CCQ2515E            |             | <u>Xuan</u>  | 8,5        | 9,0         | 8,8     |
| 9             | 2125150175            | Nguyễn Quang Khải             | 31/03/2007            | CCQ2515E            |             | <u>K</u>     | 6,5        | 4,0         | 5,0     |
| <del>10</del> | <del>2125150185</del> | <del>Nguyễn Hoàng Khang</del> | <del>14/08/2007</del> | <del>CCQ2515E</del> |             |              |            |             |         |
| 11            | 2125150196            | Đào Đăng Khoa                 | 10/04/2007            | CCQ2515E            |             | <u>maih</u>  | 8,0        | 5,0         | 6,2     |
| 12            | 2125150203            | Lê Phạm Trọng Khôi            | 23/01/2007            | CCQ2515E            |             | <u>Khôi</u>  | 8,0        | 4,0         | 5,6     |
| 13            | 2125150201            | Huỳnh Võ Anh Kiệt             | 06/06/2007            | CCQ2515E            |             | <u>Kiet</u>  | 8,5        | 8,0         | 8,2     |
| 14            | 2125150176            | Trần Thế Kiệt                 | 15/05/2007            | CCQ2515E            |             | <u>Kiet</u>  | 8,0        | 8,0         | 8,0     |
| <del>15</del> | <del>2125150180</del> | <del>Trình Anh Kiệt</del>     | <del>18/11/2007</del> | <del>CCQ2515E</del> |             |              |            |             |         |
| 16            | 2125150172            | Huỳnh Quý Lộc                 | 17/03/2007            | CCQ2515E            |             | <u>Loc</u>   | 9,0        | 9,0         | 9,0     |
| 17            | 2125150167            | Lênh Tú Long                  | 17/10/2007            | CCQ2515E            |             | <u>L</u>     | 7,5        | 4,0         | 5,4     |
| 18            | 2125150177            | Huỳnh Minh Nghĩa              | 04/12/2007            | CCQ2515E            |             | <u>Nghia</u> | 8,0        | 4,0         | 5,6     |
| 19            | 2125150197            | Đỗ Thiện Nhân                 | 21/08/2007            | CCQ2515E            |             | <u>Do</u>    | 8,0        | 9,0         | 8,6     |
| 20            | 2122050089            | Nguyễn Đức Quân               | 10/05/2004            | CCQ2205C            |             | <u>Quân</u>  | 0,0        | 4,0         | 2,4     |